VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO **BIỂU SỐ 1a**

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI ĐỢT I NĂM 2024

(Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024)

(Kèm theo Quyết định số 30/QĐ-VKSTC ngày 18/3/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên	Đơn vị, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Chức danh	Tiền lương		Phụ cấp chức vụ		Phụ cấp thâm niên nghề		Phụ cấp thâm niên vượt khung		Hệ số chênh lệch bảo lưu		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp (đồng)	Số năm đóng BHXH		Thời gian tính giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí tinh giản biên chế (đồng)			
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Tổng số				Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH
1	Đinh Văn Dũng	Hưng yên	20/11/1964	Nam	KSV trung cấp, Trưởng phòng	6.78	9/2021	0.65	10/2016	27%	7/2023					6.44	9/2018	13,830,115	42 năm	1 tháng	1/3/2024	59 tuổi 3 tháng	328,465,200	103,725,860	69,150,575	155,588,791
2	Đặng Văn Thìn	Bắc Giang	16/3/1965	Nam	KSV trung cấp	6.78	10/2018			25%	4/2023	7%	10/2023			6.78+6%	10/2022	12,581,477	40 năm	10 tháng	1/1/2024	58 tuổi 9 tháng	308,246,200	113,233,293	62,907,385	132,105,508
3	Nguyễn Văn Hưng	Bắc Giang	30/3/1965	Nam	KSV sơ cấp, Phó Viện trưởng huyện	4.98	1/2009	0.4	1/1997	26%	5/2023	16%	1/2023			4.98+15%	1/2023	11,472,048	36 năm	7 tháng	1/1/2024	58 tuổi 9 tháng	258,121,100	103,248,432	57,360,240	97,512,408
4	Nguyễn Văn Tương	Cao Bằng	8/10/1965	Nam	KSV sơ cấp	4.98	3/2015			25%	7/2023	10%	3/2023			4.98+9%	3/2022	10,079,154	30 năm	4 tháng	1/3/2024	58 tuổi 4 tháng	209,142,400	105,831,117	50,395,770	52,915,558
5	Chu Văn Thuận	Cao Bằng	18/7/1965	Nam	KSV trung cấp, Viện trưởng huyện	5.42	6/2024	0.55	7/2014	24%	6/2024					5.42	6/2021	11,006,811	39 năm	9 tháng	1/7/2024	58 tuổi 11 tháng	264,163,500	99,061,299	55,034,055	110,068,110
6	Đỗ Văn Diên	Bình Dương	02/02/1966	Nam	KSV trung cấp, Phó Viện trưởng huyện	6.44	01/2023	0.5		33%	01/2024					6.1	01/2020	13,083,386	35 năm	06 tháng	01/02/2024	57 tuổi 11 tháng	323,813,800	157,000,632	65,416,930	101,396,241
7	Đinh Thị Việt Hồng	Đà Nẵng	09/5/1970	Nữ	KSV trung cấp, Chánh thanh tra	6.10	01/2024	0.65	05/2017	23%	01/2024					5.76	01/2021	11,558,035	32 năm	06 tháng	01/3/2024	53 tuổi 9 tháng	268,724,300	138,696,416	57,790,173	72,237,717
8	Phan Văn Hát	Phú Yên	06/3/1966	Nam	KSV trung cấp, Phó trưởng phòng	6.44	04/2023	0.5	02/2018	32%	12/2023					6.1	04/2020	13,096,192	34 năm	8 tháng	01/4/2024	58 tuổi	320,856,700	157,154,305	65,480,960	98,221,440
9	Nguyễn Thị Thu Hằng	Phú Yên	14/8/1969	Nữ	KSV sơ cấp	4.98	01/2020			17%	04/2023	6%	01/2024			4.65	07/2017	8,757,043	34 năm	05 tháng	01/3/2024	54 tuổi 6 tháng	172,951,600	65,677,822	43,785,215	63,488,562
10	Phan Hưởng	Phú Yên	07/12/1965	Nam	Kiểm tra viên	4.98	06/2015			24%	11/2023	21%	06/2023			4.65	06/2012	9,940,519	40 năm	02 tháng	01/3/2024	58 tuổi 2 tháng	270,879,100	119,286,228	49,702,595	101,890,320
11	Phạm Văn Cường	Yên Bái	10/7/1965	Nam	Nhân viên lái xe	4.03	04/2006					21%	04/2024			4,03+20%	04/2023	7,325,000	40 năm	02 tháng	01/5/2024	58 tuổi 9 tháng	177,631,000	65,925,000	36,625,000	75,081,000
	Tổng cộng:																						**2,902,994,900**	**1,228,840,404**	**613,648,898**	**1,060,505,655**

Lý do tinh giản
Điểm đ
Điểm đ
Điểm đ
Điểm đ
Điểm đ
Điểm đ
Điểm đ
Điểm đ
Điểm đ
Điểm đ
Điểm đ